

Số: 37/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Bảo vệ thực vật Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-KĐCL ngày 04/4/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 34 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-KĐCL ngày 04/4/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 34;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Bảo vệ thực vật của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 34 ngày 26/4/2025 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Bảo vệ thực vật (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 44 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), **chiếm 88%, trong**



đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Bảo vệ thực vật của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Nghị quyết số: 37/NQ-HĐKĐCL ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chuẩn 1		3.67	2	66.67%	Tiêu chuẩn 7		4.00	5	100%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4								
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4					
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chuẩn 3		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.2	4								
Tiêu chí 3.2	3	Tiêu chí 8.3	4								
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 8.4	4								
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chí 8.5	4					
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chuẩn 9		3.80	4	80%		
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.1	4					
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.2	3								
Tiêu chuẩn 5		3.80	4	80%	Tiêu chí 9.3	4					
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.4	4					
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 9.5	4					
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chuẩn 10		4.00	5	83.33%		
Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 10.1	4								
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.2	3								
Tiêu chuẩn 6		4.29	7	100%	Tiêu chí 10.3	4					
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.4	5					
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.5	4					
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 10.6	4					
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chuẩn 11		4.00	5	100%		
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.1	4					
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.2	4					
Tiêu chí 6.7	5	Tiêu chí 11.3	4								
		Tiêu chí 11.4	4								
		Tiêu chí 11.5	4								
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt						
		44			88%						

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ

*(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐKĐCL ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Bảo vệ thực vật (CTĐT) của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Bản mô tả CTĐT có các thông tin cơ bản về CTĐT và được công khai rộng rãi. Chương trình dạy học về cơ bản được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, có cấu trúc và trình tự khá hợp lý. Triết lý giáo dục của Trường được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan và cơ bản được chuyển tải vào CTĐT. Các hoạt động dạy-học khá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra; các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và khởi nghiệp được chú trọng. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể và phổ biến đến người học, đã quan tâm đến đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT; phản hồi kết quả đánh giá và quy trình phúc khảo dễ tiếp cận. Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được quan tâm và thực hiện có kết quả tốt; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giám sát, đánh giá và ghi nhận; giảng viên có trình độ cao, năng lực chuyên môn và năng lực nghiên cứu tốt, đạt kết quả cao, nhất là công bố khoa học; kết quả nghiên cứu được ứng dụng hiệu quả vào cải tiến việc dạy và học. Chính sách, quy định về tuyển sinh rõ ràng, cập nhật. Quá trình học tập và rèn luyện của người học được giám sát và có những biện pháp hỗ trợ; cảnh quan môi trường xanh, sạch. Cơ sở vật chất, phòng học và hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu CTĐT; các điều kiện an ninh an toàn được đảm bảo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quan tâm hoàn thiện có tính hệ thống; thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ người học tốt nghiệp, thôi học và tỉ lệ có việc làm được xác lập, giám sát và đã có một số biện pháp khắc phục, cải tiến. Chất lượng sinh viên tốt nghiệp được nhà sử dụng lao động đánh giá cao, nhất là khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế, về mức độ tự chủ và trách nhiệm, tác phong, thái độ làm việc, khả năng học hỏi và cập nhật kiến thức.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Cải tiến nội dung, hình thức và công cụ khảo sát đa dạng, phù hợp hơn với từng đối tượng để tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu thể hiện rõ định hướng đào tạo; cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT đảm bảo khả năng đo lường, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phản ánh được yêu cầu chuyên biệt và đảm bảo tương thích với mục tiêu của CTĐT.

2. Rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần; cấu trúc lại nội dung bản mô tả bảo đảm súc tích, dễ hiểu hơn; bổ sung đầy đủ thông tin cần thiết trong đề cương các học phần, thể hiện rõ ràng sự đóng góp và mức độ tương thích của nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần; đa dạng hơn các hình thức công khai bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đến các bên liên quan.

3. Có quy định, hướng dẫn việc phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra và tăng cường tập huấn cho cán bộ giảng viên để thực hiện; tăng cường tham khảo các CTĐT quốc tế để cập nhật nội dung chương trình dạy học phù hợp với xu thế mới của giáo dục đại học và của ngành Bảo vệ thực vật; rà soát ma trận đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra để có những điều chỉnh phù hợp làm cơ sở điều chỉnh, cập nhật đề cương các học phần đảm bảo sự tương thích giữa chuẩn đầu ra, nội dung giảng dạy, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với lộ trình, phương thức hỗ trợ người học đạt được chuẩn đầu ra.

4. Có hướng dẫn việc chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động dạy và học; tích cực áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại, dạy học dựa vào dự án/tình huống/giải quyết vấn đề, thiết kế tư duy; xây dựng các hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, tra cứu tài liệu chuyên môn để hỗ trợ sinh viên hình thành kỹ năng học tập suốt đời; chú trọng phát triển môi trường giao lưu khu vực, quốc tế để tăng cường khả năng hội nhập cho người học.

5. Rà soát phương pháp kiểm tra, đánh giá của các học phần đảm bảo đo lường được chuẩn đầu ra; xây dựng các rubrics phù hợp với các loại hình đánh giá; đa dạng các hình thức đánh giá, chú trọng các hình thức đánh giá thực, nhất là các đánh giá về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và năng lực tự chủ, trách nhiệm; thực hiện thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi một cách khoa học để đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy cho kiểm tra đánh giá; có cơ chế giám sát và xử lý các trường hợp đạo văn; nghiên cứu phương thức đo chuẩn đầu ra của các học phần bài bản, khoa học và sớm triển khai thực hiện.

6. Có chiến lược, chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút, giữ chân giảng viên trình độ cao và phát triển chuyên gia đầu ngành kế cận cho CTĐT; thực hiện chi tiết hóa các năng lực, mức năng lực theo vị trí việc làm để áp dụng trong đánh giá và đào tạo cán bộ giảng viên; hoàn thiện công cụ, phương thức và bộ chỉ số KPIs để đánh giá, ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đổi mới đổi mới để tạo động lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tăng cường hợp tác, kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư để đẩy mạnh các nghiên cứu đỉnh cao, liên ngành có khả năng ứng dụng, chuyển giao trong thực tiễn.

7. Tăng cường năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế, thư viện; bổ sung các quy định về công tác điều chuyển; chú trọng bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ

IN
C
T

cán bộ hỗ trợ, đặc biệt về năng lực cho chuyển đổi số và các vấn đề liên quan tự chủ đại học; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn năng lực, bộ chỉ số KPIs để đánh giá năng lực và hiệu quả thực hiện của đội ngũ nhân viên để đào tạo và có chế độ đãi ngộ, khen thưởng phù hợp.

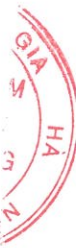
8. Rà soát các tiêu chí và phương thức tuyển sinh, khảo sát và phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực một cách bài bản để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành bảo vệ thực vật; có các biện pháp hỗ trợ tích cực để giảm tỉ lệ sinh viên bị cảnh báo học vụ và tỉ lệ sinh viên thôi học; đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị tuyển dụng để tăng cường công tác định hướng nghề nghiệp, thực tập và tạo cơ hội việc làm cho người học; phân công bộ phận tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe tinh thần cho người học.

9. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, nâng cấp tốc độ băng thông rộng cố định; phát triển phần mềm tích hợp và hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý điều hành chung; hoàn thiện phần mềm LMS phục vụ đào tạo; nghiên cứu xây dựng studio để xây dựng tài liệu quảng bá tuyển sinh, truyền thông và bài giảng điện tử; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho phòng thí nghiệm và công tác số hóa giáo trình, tài liệu; nâng cấp phần mềm thư viện; cập nhật học liệu, trong đó ưu tiên giáo trình; rà soát, ban hành mới các tiêu chuẩn về sức khỏe, môi trường, an ninh, an toàn để thực hiện; quan tâm nhiều hơn nữa đến đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Cải tiến mạnh mẽ việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xác định yêu cầu bắt kịp xu hướng phát triển của ngành đào tạo làm cơ sở cho các điều chỉnh, cập nhật CTĐT; rà soát, đánh giá tính khả thi của quy trình thiết kế và phát triển CTĐT để có các cải tiến phù hợp; đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT đối với sinh viên trước khi tốt nghiệp và tham khảo các thực hành tốt của các trường đại học khác để cải tiến; hoàn thiện cơ sở dữ liệu tổng hợp về kết quả khảo sát liên thông giữa các đơn vị để thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

11. Có các biện pháp để giảm tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình, tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp tạo việc làm, phát triển nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học sinh viên và tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan; nghiên cứu tận dụng tinh hoa của ngành, địa phương, khu vực, của Đại học Huế và của Nhà trường khi điều chỉnh CTĐT để tạo sắc thái riêng, khác biệt và nâng cao khả năng thu hút người học; xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu tích hợp, liên thông, dễ dàng tra cứu, truy xuất các thông tin để quản trị kết quả đầu ra của CTĐT; áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, quản trị sáng tạo kết hợp quản trị theo kết quả trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến để nâng cao chất lượng CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo kỹ sư chính quy trình độ đại học ngành Bảo vệ thực vật gửi cơ quan quản



lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
